

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo
hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 19/TTr-HĐND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Thường trực HĐND tỉnh Cà Mau về ban hành một số chế độ, định mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh và Báo cáo thẩm tra số 76/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau; Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau (gọi tắt là HĐND cấp huyện); Hội đồng nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là HĐND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, ban của HĐND, tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND các cấp tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí chi đảm bảo hoạt động của HĐND cấp nào thì ngân sách cấp đó chi. Hàng năm, căn cứ chế độ, định mức chi theo Nghị quyết này, cơ quan phục vụ HĐND các cấp lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí với ngân sách cùng cấp.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động HĐND đã được cơ quan phục vụ HĐND cấp triệu tập chi theo quy định này thì không được thanh toán các khoản chi cùng nội dung nêu trên tại cơ quan, đơn vị mình công tác, trừ Điều 6 Nghị quyết này.

4. Các chế độ, định mức chi đảm bảo hoạt động HĐND không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định hiện hành của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chương II ĐỊNH MỨC CHI CỤ THỂ

Điều 4. Hoạt động phí hàng tháng của đại biểu HĐND

1. Đại biểu HĐND cấp tỉnh được hưởng bằng hệ số 0,5 mức lương cơ sở.
2. Đại biểu HĐND cấp huyện được hưởng bằng hệ số 0,4 mức lương cơ sở.
3. Đại biểu HĐND cấp xã được hưởng bằng hệ số 0,3 mức lương cơ sở.

Điều 5. Hỗ trợ đại biểu HĐND các cấp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước

1. Đại biểu HĐND hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND, với mức chi:

- a) Đại biểu HĐND cấp tỉnh 0,14 mức lương cơ sở/ngày.
- b) Đại biểu HĐND cấp huyện 0,12 mức lương cơ sở/ngày.
- c) Đại biểu HĐND cấp xã 0,10 mức lương cơ sở/ngày.

2. Đại biểu HĐND các cấp không hưởng lương, phụ cấp lương hoặc sinh hoạt phí từ ngân sách nhà nước được cấp tiền mua Bảo hiểm y tế theo quy định (4,5% nhân với mức lương cơ sở/tháng).

Điều 6. Phụ cấp kiêm nhiệm cho Chủ tịch HĐND

1. Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, cấp huyện hoạt động kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 10% mức lương hiện hưởng, cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

2. Chủ tịch HĐND cấp xã hoạt động kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức lương hiện hưởng, cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

3. Cơ quan, đơn vị đang trả lương cho người hoạt động kiêm nhiệm theo khoản 1 và 2 của Điều này, chịu trách nhiệm chi trả phụ cấp kiêm nhiệm.

4. Phụ cấp kiêm nhiệm không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 7. Hỗ trợ các chức danh hoạt động kiêm nhiệm của HĐND

1. Trưởng ban hoạt động kiêm nhiệm của HĐND:

- a) Cấp tỉnh 700.000 đồng/tháng (bảy trăm ngàn đồng).
- b) Cấp huyện 500.000 đồng/tháng (năm trăm ngàn đồng).
- c) Cấp xã 300.000 đồng/tháng (ba trăm ngàn đồng).

2. Phó Trưởng ban hoạt động kiêm nhiệm của HĐND cấp xã 200.000 đồng/tháng (hai trăm ngàn đồng).

3. Ủy viên ban hoạt động kiêm nhiệm của HĐND:

- a) Cấp tỉnh 300.000 đồng/tháng (ba trăm ngàn đồng).
- b) Cấp huyện 200.000 đồng/tháng (hai trăm ngàn đồng).
- c) Cấp xã 100.000 đồng/tháng (một trăm ngàn đồng).

4. Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND:

- a) Cấp tỉnh 400.000 đồng/tháng (bốn trăm ngàn đồng).
- b) Cấp huyện 300.000 đồng/tháng (ba trăm ngàn đồng).

5. Tổ phó Tổ đại biểu HĐND:

- a) Cấp tỉnh 300.000 đồng/tháng (ba trăm ngàn đồng).
- b) Cấp huyện 200.000 đồng/tháng (hai trăm ngàn đồng).

6. Đại biểu HĐND kiêm nhiệm nhiều chức danh quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này chỉ được hưởng mức hỗ trợ của chức danh cao nhất.

Điều 8. Hoạt động phí của tổ đại biểu HĐND

1. Tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh được cấp hoạt động phí 300.000 đồng/đại biểu/quý (ba trăm ngàn đồng).

2. Tổ đại biểu HĐND cấp huyện được cấp hoạt động phí 200.000 đồng/đại biểu/quý (hai trăm ngàn đồng).

Điều 9. Hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri và điểm giám sát

1. Hỗ trợ điểm tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri để trang trải một số chi phí cần thiết như: trang trí, khánh tiết và nước uống,...

a) Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND cấp tỉnh, mức chi hỗ trợ 3.000.000 đồng/điểm (ba triệu đồng).

b) Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND cấp huyện, mức chi hỗ trợ 2.000.000 đồng/điểm (hai triệu đồng).

c) Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND cấp xã, mức chi hỗ trợ 1.000.000 đồng/điểm (một triệu đồng).

d) Trường hợp đại biểu HĐND nhiều cấp cùng tiếp xúc cử tri chung một điểm thì tổ đại biểu HĐND cấp cao nhất chỉ theo mức quy định của cấp mình; các tổ đại biểu HĐND còn lại không phải chi hỗ trợ tại điểm đó.

2. Hỗ trợ điểm tổ chức làm việc với Đoàn giám sát của HĐND để trang trải một số chi phí cần thiết như: trang trí, khánh tiết và nước uống,...

a) Đoàn giám sát của HĐND cấp tỉnh (trừ các sở, ban, ngành cấp tỉnh), mức chi hỗ trợ 2.000.000 đồng/điểm (hai triệu đồng).

b) Đoàn giám sát của HĐND cấp huyện (trừ các phòng, ban, ngành cấp huyện), mức chi hỗ trợ 1.000.000 đồng/điểm (một triệu đồng).

c) Đoàn giám sát của HĐND cấp xã (trừ các cơ quan, đơn vị cấp xã), mức chi hỗ trợ 500.000 đồng/điểm (năm trăm ngàn đồng).

Điều 10. Chế độ ăn, nước uống

1. Các đại biểu HĐND, đại biểu khách mời do Thường trực HĐND, ban của HĐND triệu tập, mời tham dự kỳ họp, phiên họp, hội nghị; cán bộ, công chức, người lao động được phân công phục vụ hoạt động HĐND được bố trí đặt ăn tập trung, mức chi tiền ăn: cấp tỉnh 200.000 đồng/đại biểu/ngày; cấp huyện 150.000 đồng/đại biểu/ngày và cấp xã 100.000 đồng/đại biểu/ngày. Đại biểu không ăn tập trung, được thanh toán bằng tiền theo mức chi tiền ăn tập trung. Đại biểu được bố trí ăn hoặc thanh toán tiền ăn thì không được thanh toán phụ cấp lưu trú.

2. Tiền ăn, nước uống giữa buổi trong kỳ họp, phiên họp, hội nghị mức chi 40.000 đồng/đại biểu/ngày.

Điều 11. Chế độ phòng nghỉ

Đại biểu HĐND, đại biểu khách mời ở xa do Thường trực HĐND, ban của HĐND các cấp triệu tập, mời tham gia các hoạt động của HĐND có nhu cầu phòng nghỉ được cơ quan phục vụ HĐND bố trí nghỉ và thanh toán theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định.

Điều 12. Chế độ công tác phí

1. Đại biểu HĐND; đại biểu khách mời; cán bộ, công chức và người lao động phục vụ hoạt động của HĐND các cấp khi đi công tác được thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành.

2. Đại biểu HĐND, đại biểu khách mời ở xa, cách địa điểm tổ chức hội nghị, địa điểm giám sát, tiếp xúc cử tri từ 10 km trở lên, do Thường trực HĐND, các Ban của HĐND các cấp triệu tập, mời tham gia các hoạt động hội, họp, giám sát, tiếp xúc cử tri của HĐND mà tự lực phương tiện đi lại thì được khoán tiền tàu, xe:

a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/đại biểu/cuộc họp, hội nghị, điểm giám sát hoặc điểm tiếp xúc cử tri (ba trăm ngàn đồng).

b) Cấp huyện: 200.000 đồng/đại biểu/cuộc họp, hội nghị, điểm giám sát hoặc điểm tiếp xúc cử tri (hai trăm ngàn đồng).

c) Cấp xã: 100.000 đồng/đại biểu/cuộc họp, hội nghị, điểm giám sát hoặc điểm tiếp xúc cử tri (một trăm ngàn đồng).

Điều 13. Chế độ bồi dưỡng

1. Đại biểu HĐND; đại biểu khách mời; cán bộ, công chức và người lao động trực tiếp tham gia các hoạt động của HĐND các cấp như: kỳ họp, phiên họp, hội nghị (trừ hội nghị tập huấn); tham gia giám sát, tiếp xúc cử tri, được hưởng mức bồi dưỡng như sau:

- a) Cấp tỉnh: 75.000 đồng/đại biểu/buổi (bảy mươi lăm ngàn đồng).
- b) Cấp huyện: 50.000 đồng/đại biểu/buổi (năm mươi ngàn đồng).
- c) Cấp xã: 40.000 đồng/đại biểu/buổi (bốn mươi ngàn đồng).

2. Căn cứ vào mức bồi dưỡng theo khoản 1 điều này, trường hợp đại biểu là chủ tọa kỳ họp, thư ký kỳ họp, chủ trì hội nghị, trưởng đoàn giám sát được cộng tăng thêm mức bồi dưỡng như sau:

- a) Chủ tọa kỳ họp tăng thêm 100% mức bồi dưỡng theo cấp tương ứng.
- b) Thư ký kỳ họp, chủ trì hội nghị, trưởng đoàn giám sát tăng thêm 50% mức bồi dưỡng theo cấp tương ứng.

3. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức bồi dưỡng cộng với tăng thêm (nếu có) được tăng gấp hai lần mức bồi dưỡng của ngày làm việc bình thường.

4. Thường trực HĐND các cấp quyết định mức chi bồi dưỡng cho các đối tượng gián tiếp phục vụ kỳ họp của HĐND cấp mình.

5. Đại biểu HĐND các cấp tiếp công dân theo sự phân công của Thường trực HĐND, được bồi dưỡng 150.000 đồng/đại biểu/ngày.

Điều 14. Hỗ trợ kinh phí khai thác tài liệu, thông tin, báo chí

1. Đại biểu HĐND tỉnh được hỗ trợ kinh phí 300.000 đồng/người/tháng (ba trăm ngàn đồng).

2. Thường trực HĐND cấp huyện, cấp xã quyết định mức hỗ trợ kinh phí khai thác tài liệu, thông tin, báo chí của đại biểu HĐND cấp mình.

Điều 15. Hỗ trợ trang phục

1. Trong một nhiệm kỳ HĐND, mỗi đại biểu HĐND các cấp được hỗ trợ trang phục như sau:

- a) Cấp tỉnh: mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/đại biểu (năm triệu đồng).
- b) Cấp huyện: mức hỗ trợ 4.000.000 đồng/đại biểu (bốn triệu đồng).
- c) Cấp xã: mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/đại biểu (ba triệu đồng).

2. Trong một nhiệm kỳ HĐND, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ HĐND các cấp được hỗ trợ trang phục bằng 50% so với mức hỗ trợ theo cấp tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng cho đại biểu HĐND

1. Đại biểu HĐND các cấp được hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng với mức hỗ trợ như sau:

- a) Cấp tỉnh: mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/đại biểu/năm (ba triệu đồng).
- b) Cấp huyện: mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/đại biểu/năm (hai triệu đồng).
- c) Cấp xã: mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/đại biểu/năm (một triệu đồng).

2. Riêng đại biểu HĐND các cấp là nữ được hỗ trợ thêm 300.000 đồng/đại biểu/năm.

Điều 17. Mức chi hỗ trợ soạn thảo và ban hành văn bản

1. Soạn thảo và ban hành văn bản phục vụ cho hoạt động của HĐND các cấp được định mức chi như sau:

- a) Cấp tỉnh: mức chi không quá 2.000.000 đồng/văn bản (hai triệu đồng).
- b) Cấp huyện: mức chi không quá 1.000.000 đồng/văn bản (một triệu đồng).
- c) Cấp xã: mức chi không quá 500.000 đồng/văn bản (năm trăm ngàn đồng).

2. Thường trực HĐND các cấp ban hành danh mục văn bản và quyết định mức chi cụ thể từng loại văn bản của cấp mình theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 18. Hỗ trợ nghiên cứu

1. Hỗ trợ đại biểu HĐND các cấp chuyên trách nghiên cứu tài liệu phục vụ các hoạt động của HĐND, mức chi như sau:

- a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/đại biểu/tháng (ba trăm ngàn đồng).
- b) Cấp huyện: 200.000 đồng/đại biểu/tháng (hai trăm ngàn đồng).
- c) Cấp xã: 100.000 đồng/đại biểu/tháng (một trăm ngàn đồng).

2. Hỗ trợ đại biểu HĐND các cấp (đại biểu không chuyên trách), nghiên cứu tài liệu phục vụ các hoạt động của HĐND, mức chi như sau:

- a) Cấp tỉnh: 200.000 đồng/đại biểu/tháng (hai trăm ngàn đồng).
- b) Cấp huyện: 100.000 đồng/đại biểu/tháng (một trăm ngàn đồng).
- c) Cấp xã: 50.000 đồng/đại biểu/tháng (năm mươi ngàn đồng).

Điều 19. Mức chi công tác xã hội

1. Thường trực HĐND các cấp quyết định chi công tác xã hội để tổ chức thăm, viếng, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, mức chi như sau:

a) Cấp tỉnh: không quá 5.000.000 đồng/tổ chức/lượt và không quá 2.500.000 đồng/cá nhân/lượt.

b) Cấp huyện: không quá 3.000.000 đồng/tổ chức/lượt và không quá 1.500.000 đồng/cá nhân/lượt.

c) Cấp xã: không quá 1.000.000 đồng/tổ chức/lượt và không quá 500.000 đồng/cá nhân/lượt.

2. Mức chi tại khoản 1 Điều này được áp dụng cho các trường hợp như sau:

a) Thăm các tổ chức, cơ quan, đơn vị; tổ chức xã hội, xã hội từ thiện, tôn giáo, dân tộc; lực lượng vũ trang; các gia đình chính sách, thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng; hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; trẻ em mồ côi, người già cô đơn, người tàn tật không nơi nương tựa; nhân dân vùng biển

đào,... các dịp lễ, tết, ngày truyền thống, những sự kiện quan trọng của đất nước và địa phương.

b) Thăm hỏi, hỗ trợ đại biểu HĐND, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ hoạt động HĐND khi gặp hoàn cảnh khó khăn, tai nạn, ốm đau, lễ, tết. Quy định này áp dụng không quá 02 lần/năm cùng một đối tượng.

c) Viếng lễ tang của đại biểu HĐND, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ hoạt động HĐND; cha, mẹ ruột; cha, mẹ vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con của đại biểu HĐND, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ hoạt động HĐND.

d) Hỗ trợ đại biểu HĐND, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ hoạt động HĐND được mời đi học tập, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ về hoạt động HĐND.

đ) Hỗ trợ mua quà lưu niệm cho đại biểu HĐND, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ hoạt động HĐND trong một nhiệm kỳ hoặc thôi giữ chức danh do HĐND bầu, nghỉ hưu, chuyển công tác khác.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh triển khai, thực hiện một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh.

2. Thường trực HĐND, các ban của HĐND, các tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2012 của HĐND tỉnh ban hành một số chế độ, định mức chi đảm bảo hoạt động HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, tp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Hiện